



---

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(đã được kiểm toán)



**AASC AUDITING FIRM**



MEMBER OF THE HLB GROUP OF COMPANIES  
**THE GLOBAL ADVISORY  
AND ACCOUNTING NETWORK**

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(đã được kiểm toán)



# **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

---

## **NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06-39
Bảng cân đối kế toán riêng	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11-39

100  
C  
AC  
AN  
124

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship trước đây là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo quy định tại Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203002740 (mã số doanh nghiệp là 0200119965) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 23 tháng 10 năm 2013.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Văn Nghi	Chủ tịch	
Ông Vương Ngọc Sơn	Ủy viên	
Ông Phạm Hải Long	Ủy viên	
Ông Phạm Văn Toàn	Ủy viên	
Ông Lê Quang Chính	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 19/06/2020
Ông Mai Xuân Ngoạt	Ủy viên	
Ông Trần Dũng Chiến	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vương Ngọc Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Trần Dũng Chiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Ngọc Tú	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Duy	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lã Thị Liên Hương	Trưởng ban	
Bà Phạm Thị Ngọc Anh	Thành viên	
Bà Bùi Thị Thúy Hằng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 19/06/2020
Bà Phan Thị Nha Trang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19/06/2020

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

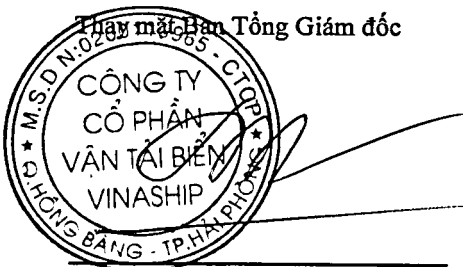
- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



**Vương Ngọc Sơn**  
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 20 tháng 02 năm 2021

Số: 090321.008/BCTC.KT2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship được lập ngày 20 tháng 02 năm 2021, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại thời điểm 31/12/2020, trên Bảng cân đối kế toán riêng của Công ty, chỉ tiêu Nợ ngắn hạn đang vượt quá Tài sản ngắn hạn là 149,62 tỷ đồng, lỗ lũy kế là 218,56 tỷ đồng. Những sự kiện này, cùng với các vấn đề được nêu ở Thuyết minh số 1 - Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng, cho thấy có yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty vẫn được trình bày trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



**Vũ Xuân Biền**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2021

**Nguyễn Tuấn Anh**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1369-2018-002-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>118.308.939.795</b>	<b>112.985.177.550</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	19.587.028.863	18.012.704.619
111	1. Tiền		19.587.028.863	18.012.704.619
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		50.316.185.803	47.435.284.146
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	41.438.208.088	34.885.665.848
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	2.945.077.957	5.748.996.287
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	16.602.684.966	17.098.296.889
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(10.669.785.208)	(10.297.674.878)
140	IV. Hàng tồn kho	9	36.069.394.090	34.706.274.762
141	1. Hàng tồn kho		36.069.394.090	34.706.274.762
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		12.336.331.039	12.830.914.023
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	1.302.057.768	2.053.768.942
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		2.660.128.354	2.401.882.759
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	8.374.144.917	8.375.262.322
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>419.771.688.238</b>	<b>499.319.125.474</b>
220	II. Tài sản cố định		382.397.067.416	472.254.781.761
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	382.234.317.416	472.254.781.761
222	- Nguyên giá		1.380.591.718.478	1.474.659.127.438
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(998.357.401.062)	(1.002.404.345.677)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	162.750.000	-
228	- Nguyên giá		427.654.500	238.654.500
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(264.904.500)	(238.654.500)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	6.298.854.633	413.979.660
231	- Nguyên giá		24.550.647.769	6.636.446.595
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(18.251.793.136)	(6.222.466.935)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		819.936.291	763.686.291
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	819.936.291	763.686.291
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	9.336.924.005	4.308.029.805
251	1. Đầu tư vào công ty con		5.000.000.000	-
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		5.998.468.525	5.998.468.525
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(1.661.544.520)	(1.690.438.720)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		20.918.905.893	21.578.647.957
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	20.918.905.893	21.578.647.957
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>538.080.628.033</b>	<b>612.304.303.024</b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>473.711.233.393</b>	<b>549.232.307.900</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>267.929.099.291</b>	<b>260.002.510.346</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	31.931.682.842	56.414.358.799
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	39.736.823	39.508.724
314	3. Phải trả người lao động		10.298.366.582	13.759.724.744
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	819.484.408	3.434.754.003
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	18	194.338.523	58.129.869
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	47.121.385.826	35.534.252.915
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	175.849.069.187	148.510.134.192
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.675.035.100	2.251.647.100
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>205.782.134.102</b>	<b>289.229.797.554</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	46.518.236.602	75.695.237.554
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	159.263.897.500	213.534.560.000
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>64.369.394.640</b>	<b>63.071.995.124</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	21	<b>64.369.394.640</b>	<b>63.071.995.124</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		200.000.000.000	200.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		200.000.000.000	200.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		82.932.721.854	82.932.721.854
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(218.563.327.214)	(219.860.726.730)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(219.860.726.730)	(249.133.828.468)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		1.297.399.516	29.273.101.738
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>538.080.628.033</b>	<b>612.304.303.024</b>


Nguyễn Thị Bảo Ngọc  
Người lập


Trần Thị Thanh Hương  
Kế toán trưởngVương Ngọc Sơn  
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 20 tháng 02 năm 2021


**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng**


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

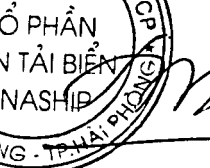
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	505.668.929.152	697.653.441.344
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		505.668.929.152	697.653.441.344
11	4. Giá vốn hàng bán	24	511.548.287.947	667.915.823.257
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(5.879.358.795)	29.737.618.087
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	1.708.039.228	1.727.130.440
22	7. Chi phí tài chính	26	22.963.348.156	22.952.176.543
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		22.161.613.839	21.372.074.309
25	8. Chi phí bán hàng	27	7.310.796.826	10.929.779.749
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	18.916.801.714	23.679.986.174
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(53.362.266.263)	(26.097.193.939)
31	11. Thu nhập khác	29	55.311.607.354	56.587.454.792
32	12. Chi phí khác	30	651.941.575	1.217.159.115
40	13. Lợi nhuận khác		54.659.665.779	55.370.295.677
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.297.399.516	29.273.101.738
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>1.297.399.516</u>	<u>29.273.101.738</u>

  
Nguyễn Thị Bảo Ngọc  
Người lập

  
Trần Thị Thanh Hương  
Kế toán trưởng

  
Vương Ngọc Sơn  
Tổng Giám đốc



Hải Phòng, ngày 20 tháng 02 năm 2021

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

Năm 2020  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		1.297.399.516	29.273.101.738
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		85.517.739.623	86.999.306.696
03	- Các khoản dự phòng		343.216.130	1.525.812.550
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.372.466.774)	(163.741.188)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(26.278.543.795)	(25.933.255.548)
06	- Chi phí lãi vay		22.161.613.839	21.372.074.309
07	- Các khoản điều chỉnh khác		(28.924.269.056)	(29.495.743.137)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		52.744.689.483	83.577.555.420
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(1.634.608.989)	(5.493.747.370)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(1.535.410.856)	7.415.514.021
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(30.922.227.522)	(33.464.007.476)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.411.453.238	(11.068.670.895)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(8.170.657.124)	(4.863.165.549)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(576.612.000)	(795.667.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		11.316.626.230	35.307.811.151
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(4.101.467.618)	(2.273.460.423)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		26.241.181.818	19.190.363.637
25	3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(4.207.068.905)	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		37.361.977	39.086.142
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		17.970.007.272	16.955.989.356
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	1. Tiền thu từ đi vay		3.420.000.000	15.390.000.000
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(29.377.024.829)	(76.787.975.171)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.721.233.412)	(500.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(27.678.258.241)	(61.897.975.171)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**

Năm 2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		1.608.375.261	(9.634.174.664)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		18.012.704.619	27.652.496.804
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(34.051.017)	(5.617.521)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>19.587.028.863</u>	<u>18.012.704.619</u>

Nguyễn Thị Bảo Ngọc  
Người lậpTrần Thị Thanh Hương  
Kế toán trưởngVương Ngọc Sơn  
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 20 tháng 02 năm 2021

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

*Năm 2020*

### **1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship trước đây là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo quy định tại Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203002740 (mã số doanh nghiệp là 0200119965) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 23 tháng 10 năm 2013.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 200.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 200.000.000.000 đồng; tương đương 20.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 369 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là: 537 người).

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực vận tải biển.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Chi tiết: Dịch vụ đại lý tàu biển. Dịch vụ đại lý vận tải đường biển. Dịch vụ giao nhận, nâng cầu, kiểm đếm hàng hóa. Dịch vụ khai thuê hải quan. Dịch vụ môi giới thuê tàu biển (không bao gồm thùy thủ đoàn). Môi giới hàng hải. Dịch vụ cung ứng tàu biển. Dịch vụ Logistics. Đại lý bán vé máy bay, vé tàu. Dịch vụ môi giới vận tải. Dịch vụ vận tải đa phương thức (không bao gồm kinh doanh vận tải hàng không và hoạt động hàng không chung). Đại lý container. Khai thác cảng, biển. Dịch vụ quản lý tàu.);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác (Chi tiết: Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa (Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa ga đường sắt, đường bộ, cảng biển, cảng sông);
- Vận tải hàng hóa đường thùy nội địa.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

### **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng**

Trong năm 2020, Công ty vẫn đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục để được UBND Thành phố Hải Phòng cấp lô đất TM8 khu vực đường Hồ Sen - Cầu Rào 2, phường Kênh Dương, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Đây là lô đất được cấp cho thuê mới từ việc phải trả lại trụ sở đặt tại số 1 Hoàng Văn Thụ để UBND Thành phố Hải Phòng xây dựng dự án Cầu Hoàng Văn Thụ. Hiện tại, Công ty vẫn tạm trú tại địa chỉ số 1 Hoàng Văn Thụ do chưa có quyết định di dời của UBND Thành phố Hải Phòng.

Cũng trong năm 2020, Công ty thành lập Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Vinaship do Công ty sở hữu 100% vốn (trên cơ sở giải thể Xí nghiệp Xếp dỡ vận tải và Dịch vụ) với tổng vốn điều lệ là 5.000.000.000 đồng, chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Tại thời điểm 31/12/2020, Công ty đang lỗ lũy kế là 218,56 tỷ đồng (tại 01/01/2020 là 219,86 tỷ đồng), nợ ngắn hạn đang vượt quá tài sản ngắn hạn là 149,62 tỷ đồng (tại 01/01/2020 là 147,02 tỷ đồng). Bên cạnh đó, trong năm 2020, do chịu ảnh hưởng từ tác động của dịch COVID - 19 và những diễn biến bất lợi của hoạt động vận tải biển trong nước và quốc tế, hoạt động kinh doanh của Công ty bị sụt giảm mạnh. Điều này làm cho các chỉ tiêu doanh thu, giá vốn và kết quả kinh doanh năm 2020 của Công ty giảm mạnh so với năm trước, chi tiết tại các Thuyết minh số 23 và 24. Những sự kiện này cho thấy có yếu tố có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Để đảm bảo khả năng thanh toán của Công ty, theo chỉ đạo của Chính phủ về tái cơ cấu tài chính tại Vinalines giai đoạn 2017-2020, Ban Tổng Giám đốc đã và đang làm việc với các tổ chức tín dụng để điều chỉnh lại kế hoạch trả nợ của các khoản vay dài hạn theo hướng giãn nợ, khoan nợ, miễn giảm lãi vay và mua bán nợ. Do đó, khả năng trả nợ vay của Công ty tùy thuộc vào kết quả của quá trình tái cơ cấu này. Trong năm 2018, Công ty đã hoàn thành tái cơ cấu 02 khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank) và Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (MSB). Tính đến thời điểm 31/12/2020, Công ty đang thực hiện theo kế hoạch trả nợ vay đã được tái cơ cấu để đảm bảo tình hình tài chính của Công ty.

Trong kế hoạch thanh lý các tàu cũ hoạt động không hiệu quả, Công ty đã thanh lý xong tàu Mỹ Vương để bổ sung nguồn tài chính cho hoạt động của Công ty. Vì vậy Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là phù hợp.

### **Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

- Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

- Chi nhánh tại Đà Nẵng

- Chi nhánh tại Quảng Ninh

Địa chỉ

Thành phố  
Hồ Chí Minh

Đà Nẵng

Quảng Ninh

Hoạt động kinh doanh chính

Vận tải biển, đại lý vận tải biển

Cho thuê văn phòng

Vận tải biển, đại lý vận tải biển

Thông tin về công ty con của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

## **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

### **2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

**2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

**2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc. Các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc được hạch toán chung tại Văn phòng Công ty.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

**2.4 . Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

*Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

*Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày giao dịch. Công ty áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ, tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

## **2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## **2.7 . Các khoản đầu tư tài chính**

*Khoản đầu tư vào công ty con* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

*Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào công ty con: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

## **2.8 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.



**2.9 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng dịch vụ chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**2.10 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 20 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 06 năm

**2.11 . Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc, cơ sở hạ tầng	06 - 25 năm
---	-------------

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

**2.12 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

**2.13 . Thuê hoạt động**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**2.14 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**2.15 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**2.16 . Vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**2.17 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.18 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa tàu,... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.19 . Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản và hoạt động vận tải biển.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

**2.20 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty;
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**2.21 . Doanh thu*****Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu vận tải biển*

Doanh thu vận tải biển được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành, Công ty sử dụng tiêu thức thời gian để xác định phần công việc hoàn thành. Theo đó đối với mỗi chuyến hàng ngay tại thời điểm bắt đầu Công ty đã ước tính tổng thời gian vận hành tàu (bao gồm cả thời gian bốc xếp và thời gian chạy trên biển). Tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng, Công ty xác định được thời gian tàu đã chạy từ khi bắt đầu chuyến hàng đến ngày lập Báo cáo tài chính riêng và tiến hành ghi nhận doanh thu chuyến hàng tương ứng với thời gian tàu đã chạy trên tổng thời gian vận chuyển ước tính của chuyến hàng.

*Doanh thu cho thuê hoạt động*

Doanh thu cho thuê hoạt động chủ yếu bao gồm hoạt động cho thuê văn phòng và kho bãi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính có liên quan.

**2.22 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

**2.23 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.24 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

### b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

### 2.25 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 2.26 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

## 3 . TIỀN

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Tiền mặt	877.587.000	1.120.617.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	18.709.441.863	16.892.087.619
	<u>19.587.028.863</u>	<u>18.012.704.619</u>

## 4 . ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	31/12/2020			01/01/2020		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>	<b>5.000.000.000</b>		-	-		-
- Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Vinaship (*)	5.000.000.000		-	-		-
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>5.998.468.525</b>	<b>9.863.551.900</b>	<b>(1.661.544.520)</b>	<b>5.998.468.525</b>	<b>123.392.000</b>	<b>(1.690.438.720)</b>
- Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam - VOS	1.276.000.000	138.000.000	(1.138.000.000)	1.276.000.000	99.000.000	(1.177.000.000)
- Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam - VST	537.018.920	13.474.400	(523.544.520)	537.018.920	23.580.200	(513.438.720)
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - VCB	409.605	881.100	-	409.605	811.800	-
- Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - MSB	4.185.040.000	9.711.196.400	-	4.185.040.000		-
	<b>10.998.468.525</b>	<b>9.863.551.900</b>	<b>(1.661.544.520)</b>	<b>5.998.468.525</b>	<b>123.392.000</b>	<b>(1.690.438.720)</b>

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư là cổ phiếu niêm yết trên thị trường được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu trên các sàn giao dịch chứng khoán tại ngày 01/01/2020 và 31/12/2020. Đối với cổ phiếu Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - MSB tại thời điểm 01/01/2020 là cổ phiếu chưa niêm yết, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này tại thời điểm trên do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(\*) Công ty cũng chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Theo đề án tái cơ cấu tổ chức Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty thông qua tại Nghị quyết số 07/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/06/2020, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 10/NQ-HĐQT ngày 21/09/2020 về việc thành lập Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Vinaship (trên cơ sở giải thể XI nghiệp Xếp dỡ vận tải và Dịch vụ) với tổng vốn điều lệ là 5.000.000.000 đồng, trong đó tỷ lệ quyền biểu quyết và lợi ích của Công ty là 100%. Trong năm 2020, Công ty đã thực hiện góp vốn vào Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Vinaship với tổng giá trị là 5.000.000.000 đồng, phần vốn góp này đã được các bên đã được xác định như sau:

<u>STT</u>	<u>Nội dung</u>	<u>Số tiền (VND)</u>
	<b>Tổng giá trị tài sản</b>	<b>5.000.000.000</b>
<b>I</b>	<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>4.379.360.433</b>
1	Tiền gửi ngân hàng	4.207.068.905
2	Công cụ, dụng cụ	19.660.000
3	Hàng hóa	152.631.528
<b>II</b>	<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>620.639.567</b>
1	Tài sản cố định hữu hình	620.639.567

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2020 như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Vinaship	Hải Phòng	100%	100%	Dịch vụ bốc xếp hàng hóa và logistics

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>31/12/2020</u>		<u>01/01/2020</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>				
Công ty Cổ phần Vận tải biển Hoành Sơn	16.635.289.073	-	-	-
Công ty TNHH Vĩnh Phước	4.849.778.050	-	-	-
Phải thu khách hàng khác	19.953.140.965	(3.327.297.634)	34.885.665.848	(2.955.187.304)
	<b>41.438.208.088</b>	<b>(3.327.297.634)</b>	<b>34.885.665.848</b>	<b>(2.955.187.304)</b>

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2020</u>		<u>01/01/2020</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Cổ phần Thương mại Shiptech	1.879.677.800	-	-	-
Công ty TNHH Vận tải Minh Hằng	500.000.000	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	565.400.157	-	5.748.996.287	-
	<b>2.945.077.957</b>	<b>-</b>	<b>5.748.996.287</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020**7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về bảo hiểm xã hội	240.514.755	-	200.534.141	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	34.809.950	-	31.963.151	-
Tạm ứng	3.555.507.911	-	4.050.372.615	-
Ký cược, ký quỹ	2.000.000	-	-	-
Phải thu Vinashinlines tiền chi hộ sửa chữa tàu	7.342.487.574	(7.342.487.574)	7.342.487.574	(7.342.487.574)
Trung tâm Phát triển Quý đất Quận Lê Chân	2.983.955.413	-	2.983.955.413	-
Phải thu tiền bảo hiểm tàu	1.920.315.181	-	834.844.398	-
Phải thu khác	523.094.182	-	1.654.139.597	-
	<b>16.602.684.966</b>	<b>(7.342.487.574)</b>	<b>17.098.296.889</b>	<b>(7.342.487.574)</b>

**8 . NỢ XẤU**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
<b>Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi</b>				
- Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinashin (Vinashinlines)	7.342.487.574	-	7.342.487.574	-
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tân Đông Thuận	636.440.000	-	636.440.000	-
- Công ty TNHH Giao nhận vận tải Hoàng Kim Phát	1.104.934.000	-	1.104.934.000	331.480.200
- Các khoản khác	1.639.437.154	53.513.520	1.951.882.654	406.589.150
	<b>10.723.298.728</b>	<b>53.513.520</b>	<b>11.035.744.228</b>	<b>738.069.350</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**9 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	36.069.394.090	-	33.848.150.422	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	656.398.374	-
Hàng hoá	-	-	201.725.966	-
	<b>36.069.394.090</b>	<b>-</b>	<b>34.706.274.762</b>	<b>-</b>

**10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Dự án xây bãi Container hậu phương tại Đình Vũ - Hải Phòng	91.957.200	91.957.200
- Dự án tại lô đất TM8 đường Hồ Sen - Cầu Rào 2 (*)	727.979.091	671.729.091
	<b>819.936.291</b>	<b>763.686.291</b>

**(\*) Thông tin về dự án**

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship;
- Mục đích xây dựng: Xây dựng trụ sở văn phòng làm việc mới;
- Địa điểm xây dựng: Lô đất TM8 khu vực đường Hồ Sen - Cầu Rào 2, phường Kênh Dương, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng;
- Tổng mức đầu tư dự kiến: 45 tỷ đồng;
- Thời gian bắt đầu triển khai và dự kiến hoàn thành: dự án được triển khai từ năm 2019 và dự kiến hoàn thành đưa vào sử dụng trong tháng 9 năm 2021;
- Tình trạng của dự án tại thời điểm 31/12/2020: Công ty đang lên kế hoạch, đo đạc, địa chính và hoàn tất các thủ tục xin giao đất.

## 11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	24.054.233.362	130.752.694	1.450.139.987.133	334.154.249	1.474.659.127.438
- Mua trong năm	-	-	1.668.256.727	32.509.091	1.700.765.818
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	275.774.000	-	-	-	275.774.000
- Chuyển sang bất động sản đầu tư (*)	(17.914.201.174)	-	-	-	(17.914.201.174)
- Thanh lý tàu Mỹ Vượng	-	-	(74.517.205.227)	-	(74.517.205.227)
- Thanh lý tài sản cố định khác	-	-	(964.617.754)	-	(964.617.754)
- Giảm tài sản do góp vốn vào Công ty con	(84.950.000)	-	(2.513.701.896)	-	(2.598.651.896)
- Giảm tài sản cố định do hư hỏng	-	-	-	(49.272.727)	(49.272.727)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>6.330.856.188</b>	<b>130.752.694</b>	<b>1.373.812.718.983</b>	<b>317.390.613</b>	<b>1.380.591.718.478</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	15.855.938.695	115.614.451	986.098.638.282	334.154.249	1.002.404.345.677
- Khấu hao trong năm	649.626.280	4.285.716	84.451.432.134	2.167.274	85.107.511.404
- Chuyển sang bất động sản đầu tư (*)	(11.645.347.982)	-	-	-	(11.645.347.982)
- Thanh lý tàu Mỹ Vượng	-	-	(74.517.205.227)	-	(74.517.205.227)
- Thanh lý tài sản cố định khác	-	-	(964.617.754)	-	(964.617.754)
- Giảm tài sản do góp vốn vào Công ty con	(47.157.654)	-	(1.930.854.675)	-	(1.978.012.329)
- Giảm tài sản cố định do hư hỏng	-	-	-	(49.272.727)	(49.272.727)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>4.813.059.339</b>	<b>119.900.167</b>	<b>993.137.392.760</b>	<b>287.048.796</b>	<b>998.357.401.062</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	8.198.294.667	15.138.243	464.041.348.851	-	472.254.781.761
Tại ngày cuối năm	1.517.796.849	10.852.527	380.675.326.223	30.341.817	382.234.317.416

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 377.630.855.634 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 83.172.985.433 đồng.

(\*) Bao gồm nhà cửa và cơ sở hạ tầng thuộc bãi container hậu phương Đình Vũ và bãi container Transvina được Công ty cho thuê trong năm 2020.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy tính VND
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm	238.654.500
- Mua trong năm	189.000.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>427.654.500</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	238.654.500
- Khấu hao trong năm	26.250.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>264.904.500</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày đầu năm	-
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>162.750.000</b>

*Trong đó:*

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 120.000.000 đồng.

**13 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ****Bất động sản đầu tư cho thuê**

	Nhà VND	Cơ sở hạ tầng VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	2.717.931.613	3.918.514.982	6.636.446.595
- Chuyển từ tài sản cố định hữu hình sang	760.216.524	17.153.984.650	17.914.201.174
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>3.478.148.137</b>	<b>21.072.499.632</b>	<b>24.550.647.769</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	2.303.951.953	3.918.514.982	6.222.466.935
- Khấu hao trong năm	53.926.039	330.052.180	383.978.219
- Chuyển từ tài sản cố định hữu hình sang	630.333.837	11.015.014.145	11.645.347.982
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.988.211.829</b>	<b>15.263.581.307</b>	<b>18.251.793.136</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	413.979.660	-	413.979.660
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>489.936.308</b>	<b>5.808.918.325</b>	<b>6.298.854.633</b>

*Trong đó:*

- Nguyên giá bất động sản đầu tư cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn đang cho thuê: 6.259.455.501 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020**14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Chi phí trả trước về bảo hiểm tàu biển	1.302.057.768	2.053.613.742
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	155.200
	<u><b>1.302.057.768</b></u>	<u><b>2.053.768.942</b></u>
<b>b) Dài hạn</b>		
Chi phí sửa chữa lớn đội tàu biển chờ phân bổ	20.873.072.560	21.578.647.957
Chi phí trả trước dài hạn khác	45.833.333	-
	<u><b>20.918.905.893</b></u>	<u><b>21.578.647.957</b></u>

**15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2020</u>		<u>01/01/2020</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng</u>
	VND	trả nợ VND	VND	trả nợ VND
<b>Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
PT Indofuels Limited	7.301.624.629	7.301.624.629	-	-
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ quốc tế Đại Minh	4.046.555.541	4.046.555.541	268.875.784	268.875.784
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ VOSCO	3.491.921.840	3.491.921.840	3.016.157.397	3.016.157.397
Công ty TNHH MTV VIPCO Hạ Long	3.015.430.000	3.015.430.000	12.348.134.764	12.348.134.764
Phải trả các đối tượng khác	14.076.150.832	14.076.150.832	40.781.190.854	40.781.190.854
	<u><b>31.931.682.842</b></u>	<u><b>31.931.682.842</b></u>	<u><b>56.414.358.799</b></u>	<u><b>56.414.358.799</b></u>

## 16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	1.117.405	-	2.547.513.512	2.546.396.107	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	66.470.748	66.470.748	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	8.374.144.917	-	-	-	8.374.144.917	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	39.508.724	768.117.090	767.888.991	-	39.736.823
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	1.042.726.720	1.042.726.720	-	-
Các loại thuế khác	-	-	6.000.000	6.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	76.721	76.721	-	-
	<b>8.375.262.322</b>	<b>39.508.724</b>	<b>4.430.904.791</b>	<b>4.429.559.287</b>	<b>8.374.144.917</b>	<b>39.736.823</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

## 17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	217.453.269	208.456.320
- Trích trước chi phí sửa chữa tàu	-	783.444.489
- Trích trước chi phí bảo hiểm	588.394.775	565.251.283
- Chi phí phải trả khác	13.636.364	1.877.601.911
	<b>819.484.408</b>	<b>3.434.754.003</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020**18 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước tiền thuê văn phòng, địa điểm, bãi xe	194.338.523	58.129.869
	<u><b>194.338.523</b></u>	<u><b>58.129.869</b></u>

**19 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Kinh phí công đoàn	804.185.845	756.186.623
- Bảo hiểm y tế	60.468.928	89.469.762
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	7.804.071.588	9.525.305.000
- Phải trả lãi vay Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam	4.166.882.686	8.151.263.151
- Phải trả lãi vay các Ngân hàng khác (*)	31.742.612.202	13.942.796.205
- Phải trả lương giữ hộ thuyền viên	1.755.839.445	1.934.534.549
- Phải trả thuế TNCN tạm thu	40.638.313	35.339.868
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	746.686.819	1.099.357.757
	<u><b>47.121.385.826</b></u>	<u><b>35.534.252.915</b></u>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Phải trả lãi vay các Ngân hàng khác (*)	21.751.192.789	22.003.924.685
- Nợ gốc và lãi vay ngân hàng chờ xử lý (**)	24.767.043.813	53.691.312.869
	<u><b>46.518.236.602</b></u>	<u><b>75.695.237.554</b></u>

(\*) Bao gồm lãi vay phải trả theo các hợp đồng tín dụng đối với Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng và Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Hải Phòng.

(\*\*) Khoản nợ gốc và lãi vay ngân hàng chờ xử lý liên quan đến hoạt động tái cơ cấu khoản vay của doanh nghiệp. Đây là phần chênh lệch giữa khoản gốc vay và lãi với giá vốn mua nợ của Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) sẽ được xử lý sau khi DATC hoàn thành việc thu hồi khoản giá vốn mua nợ này. Thông tin chi tiết về công tác xử lý nợ xem tại Thuyết minh số 20 - Vay.

**c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán**

- Phải trả lãi vay	18.175.283.805	12.219.506.677
	<u><b>18.175.283.805</b></u>	<u><b>12.219.506.677</b></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**20 . VAY**

	01/01/2020		Trong năm		31/12/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ (*)	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ (*)
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>34.100.000.000</b>	<b>34.100.000.000</b>	<b>3.420.000.000</b>	<b>2.520.000.000</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>35.000.000.000</b>
- Vay cá nhân (**)	34.100.000.000	34.100.000.000	3.420.000.000	2.520.000.000	35.000.000.000	35.000.000.000
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>114.410.134.192</b>		<b>49.863.605.500</b>	<b>23.424.670.505</b>	<b>140.849.069.187</b>	
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (VDB)	32.955.000.000		17.650.000.000	3.800.000.000	46.805.000.000	
- Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Hải Phòng	67.648.109.363		27.088.605.500	692.645.676	94.044.069.187	
- Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC)	13.807.024.829		5.125.000.000	18.932.024.829	-	
	<b>148.510.134.192</b>	<b>34.100.000.000</b>	<b>53.283.605.500</b>	<b>25.944.670.505</b>	<b>175.849.069.187</b>	<b>35.000.000.000</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>						
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (VDB)	89.710.450.000		-	3.800.000.000	85.910.450.000	
- Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Hải Phòng	215.177.219.363		-	974.702.676	214.202.516.687	
- Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC)	23.057.024.829		-	23.057.024.829	-	
	<b>327.944.694.192</b>		<b>-</b>	<b>27.831.727.505</b>	<b>300.112.966.687</b>	
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(114.410.134.192)		(49.863.605.500)	(23.424.670.505)	(140.849.069.187)	
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<b>213.534.560.000</b>				<b>159.263.897.500</b>	

(\*) Hiện nay, các khoản nợ vay ngắn hạn của Công ty đang được tái cơ cấu lại theo chỉ đạo của Chính phủ về tái cơ cấu tài chính tại Vinalines giai đoạn 2017-2020. Do đó, khả năng trả nợ vay của Công ty tùy thuộc vào kết quả của quá trình tái cơ cấu này.

c) (\*\*\*) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn: bao gồm các hợp đồng vay cá nhân có thời hạn 12 tháng, lãi suất từ 10%/năm đến 11%/năm với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

d) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

STT	Ngân hàng	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2020			Số dư nợ gốc phải trả trong năm tới			Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
			VND	USD	Tổng VND tương đương	VND	USD	Tổng VND tương đương		
1	Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng				85.910.450.000			46.805.000.000		
1.1	Hợp đồng tín dụng sửa đổi số 02A/2011/HĐTĐĐC-NHPT ngày 31/08/2011 (sửa đổi hợp đồng vay vốn tín dụng số 02/2007/HĐTĐ ngày 31/01/2007). Khoản nợ từ 01/07/2016 đến 30/06/2019 theo Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 02B/2017/HĐTĐSĐBS-NHPT ngày 31/12/2017	180 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu (tháng 4/2003)	22.705.000.000		22.705.000.000	22.705.000.000		22.705.000.000	Đầu tư dự án đóng mới tàu chở hàng khô 6.500 DWT tại nhà máy đóng tàu biển trong nước	Tàu Mỹ Hưng
1.2	Hợp đồng tín dụng sửa đổi số 01A/2011/HĐTĐĐC-NHPT ngày 31/08/2011 (sửa đổi hợp đồng vay vốn tín dụng số 01/2007/HĐTĐ ngày 31/01/2007). Khoản nợ từ 01/07/2016 đến 30/06/2019 theo Hợp đồng sửa đổi bổ sung 01B/2017/HĐTĐSĐBS-NHPT ngày 31/12/2017	180 tháng từ ngày rút vốn lần đầu (tháng 12/2006)	63.205.450.000		63.205.450.000	24.100.000.000		24.100.000.000	Đầu tư dự án đóng tàu chở hàng bách hóa loại 12.500 DWT tại nhà máy đóng tàu biển trong nước	Tàu Vinaship Gold



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

STT	Ngân hàng	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2020			Số dư nợ gốc phải trả trong năm tới			Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
			VND	USD	Tổng VND tương đương	VND	USD	Tổng VND tương đương		
2	Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Hải Phòng				214.202.516.687			94.044.069.187		
2.1	Hợp đồng tín dụng số 015/2011/HĐCVHV/BVBHP-IVBMD-VNA ngày 17/02/2011	180 tháng từ ngày giải ngân đầu tiên 07/03/2011		9.282.882,63	214.202.516.687		4.075.582,63	94.044.069.187	Đầu tư mua tàu chở hàng tổng hợp Vinaship Star trọng tải 23.949 DWT	Tàu Vinaship Star và tàu Mỹ Thịnh
3	Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) (*)				-			-		
3.1	Thỏa thuận xử lý khoản nợ chuyển giao từ Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	Từ 17/05/2018 đến 01/04/2021		-	-			-	Chương trình tái cơ cấu Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP của Chính phủ giai đoạn 2017-2020	Tàu Mỹ Vượng, Vinaship Diamond và Vinaship Pearl
<b>Tổng cộng</b>					<b>300.112.966.687</b>			<b>140.849.069.187</b>		

**Ghi chú:** Lãi suất vay của các hợp đồng tín dụng được áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh theo từng thời kỳ theo quy định của các ngân hàng. Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

(\*) Trong năm 2018, Công ty đã hoàn tất các thủ tục về việc mua bán nợ đối với khoản vay của Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (MSB). Cụ thể, Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) đã mua lại khoản nợ này từ phía ngân hàng và trở thành chủ nợ mới của Công ty. Công ty đã ký thỏa thuận thanh toán với DATC liên quan đến khoản nợ này với nội dung chi tiết như sau: Tổng giá trị khoản vay Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0033/09/HP ngày 11/03/2009 và số 0198/09/HP ngày 12/10/2009 cùng các phụ lục bổ sung (gồm cả lãi vay và gốc vay) được giảm và chuyển sang chủ nợ mới là DATC. Trong năm 2020, Công ty đã hoàn thành thanh toán toàn bộ nợ gốc còn lại với số tiền 23,06 tỷ đồng và đã thanh toán 4,59 tỷ đồng tiền lãi vay phải trả DATC liên quan đến khoản vay vốn lưu động theo xác nhận về tình hình thanh toán với DATC. Vì vậy, Công ty đã đạt đủ điều kiện theo thỏa thuận trong hợp đồng để xóa nợ gốc và lãi của khoản vay này với số tiền 28,92 tỷ đồng (chi tiết tại Thuyết minh số 29 - Thu nhập khác). Số nợ gốc và lãi vay chờ xử lý còn lại với số tiền 24,77 tỷ đồng liên quan đến khoản vay mua tàu Pearl sẽ được xóa khi Công ty hoàn thành thanh toán nốt số lãi vay 4,17 tỷ đồng còn phải trả DATC vào đầu năm 2021 (chi tiết tại Thuyết minh số 19 - Phải trả khác).

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**e) Số vay quá hạn chưa thanh toán**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Gốc VND	Lãi VND	Gốc VND	Lãi VND
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Hải Phòng	67.341.679.187	18.175.283.805	46.322.509.363	12.219.506.677
	<b>67.341.679.187</b>	<b>18.175.283.805</b>	<b>46.322.509.363</b>	<b>12.219.506.677</b>

**21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	82.932.721.854	(249.133.828.468)	33.798.893.386
Lãi trong năm trước	-	-	29.273.101.738	29.273.101.738
Số dư cuối năm trước	200.000.000.000	82.932.721.854	(219.860.726.730)	63.071.995.124
Số dư đầu năm nay	200.000.000.000	82.932.721.854	(219.860.726.730)	63.071.995.124
Lãi trong năm nay	-	-	1.297.399.516	1.297.399.516
Số dư cuối năm nay	200.000.000.000	82.932.721.854	(218.563.327.214)	64.369.394.640

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	51,00%	102.000.000.000	51,00%	102.000.000.000
Các cổ đông khác	49,00%	98.000.000.000	49,00%	98.000.000.000
	<b>100%</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>200.000.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	200.000.000.000	200.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	200.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	200.000.000.000	200.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	9.525.305.000	10.025.305.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả	(1.721.233.412)	(500.000.000)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(1.721.233.412)	(500.000.000)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	7.804.071.588	9.525.305.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**d) Cổ phiếu**

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	20.000.000	20.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>20.000.000</i>	<i>20.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>20.000.000</i>	<i>20.000.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	82.932.721.854	82.932.721.854
	<u><b>82.932.721.854</b></u>	<u><b>82.932.721.854</b></u>

**22 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG****a) Tài sản cho thuê ngoài**

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31/12/2020, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	4.063.246.495	2.271.973.767
- Trên 1 năm đến 5 năm	7.950.701.034	4.600.674.802
	<u><b>12.013.947.529</b></u>	<u><b>6.872.648.569</b></u>

**b) Cam kết thuê hoạt động**

Công ty đang quản lý và sử dụng các khu đất thuê tại khu Hạ Đoạn 2, phường Đông Hải 2, quận Hải An, khu đất tại đường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; khu đất tại phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng để sử dụng với mục đích cho thuê lại và dùng làm trụ sở văn phòng làm việc. Tổng diện tích các khu đất thuê là 19.934,4 m<sup>2</sup>. Theo đó, Công ty phải trả tiền thuê đất theo thông báo tiền thuê đất hàng năm.

**c) Ngoại tệ các loại**

	<u>31/12/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	635.852,58	307.442,76

**23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	9.984.901.693	3.052.435.991
Doanh thu hoạt động vận tải biển	408.842.974.814	515.323.441.895
Doanh thu cung cấp dịch vụ logistics	82.679.573.510	175.138.136.998
Doanh thu cung cấp dịch vụ và cho thuê bất động sản	4.161.479.135	4.139.426.460
	<u><b>505.668.929.152</b></u>	<u><b>697.653.441.344</b></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa	8.506.488.894	2.969.385.735
Giá vốn hoạt động vận tải biển	419.223.312.892	490.069.053.407
Giá vốn cung cấp dịch vụ logistics	80.975.773.657	172.079.277.805
Giá vốn cung cấp dịch vụ và cho thuê bất động sản	2.842.712.504	2.798.106.310
	<b>511.548.287.947</b>	<b>667.915.823.257</b>

**25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi	37.354.777	39.086.142
Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.200	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	298.210.477	1.524.303.110
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.372.466.774	163.741.188
	<b>1.708.039.228</b>	<b>1.727.130.440</b>

**26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	22.161.613.839	21.372.074.309
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	830.171.286	1.580.846.251
Hoàn nhập dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư	(28.894.200)	(1.200.000)
Chi phí tài chính khác	457.231	455.983
	<b>22.963.348.156</b>	<b>22.952.176.543</b>

**27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Hoa hồng phí cho các tàu	7.310.796.826	10.929.779.749
	<b>7.310.796.826</b>	<b>10.929.779.749</b>

**28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.049.580.709	1.734.389.263
Chi phí nhân công	13.320.190.462	15.847.910.012
Chi phí khấu hao tài sản cố định	489.688.410	407.590.942
Thuế, phí, lệ phí	5.000.000	5.000.000
Chi phí dự phòng	372.110.330	1.527.012.550
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.538.352.251	3.048.243.079
Chi phí khác bằng tiền	2.141.879.552	1.109.840.328
	<b>18.916.801.714</b>	<b>23.679.986.174</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**29 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	26.241.181.818	25.894.169.406
Thu nhập từ công nợ không phải trả nhà cung cấp	-	1.075.276.763
Thu nhập từ xử lý tái cơ cấu đối với khoản vay của các ngân hàng sau khi chuyển giao cho DATC	28.924.269.056	29.495.743.137
Thu nhập khác	146.156.480	122.265.486
	<b>55.311.607.354</b>	<b>56.587.454.792</b>

**30 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Các khoản bị phạt	25.076.721	113.678.871
Chi phí hao hụt hàng trong quá trình vận chuyển	626.864.000	1.001.890.694
Chi phí khác	854	101.589.550
	<b>651.941.575</b>	<b>1.217.159.115</b>

**31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.297.399.516	29.273.101.738
Các khoản điều chỉnh tăng	5.951.610.574	5.086.338.513
- Chi phí không hợp lệ	5.913.416.056	5.086.338.513
- Lỗi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	38.194.518	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(7.249.010.090)	(34.359.440.251)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(7.200)	-
- Lỗi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	-	(10.671.094)
- Chuyển lỗ các năm trước	(7.249.002.890)	(34.348.769.157)
Thu nhập chịu thuế TNDN	-	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(8.374.144.917)	(8.374.144.917)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	-
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>(8.374.144.917)</b>	<b>(8.374.144.917)</b>

**32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	151.705.418.224	226.531.940.807
Chi phí nhân công	82.144.168.342	96.556.249.013
Chi phí khấu hao tài sản cố định	85.517.739.623	86.999.306.696
Chi phí dịch vụ mua ngoài	201.994.763.722	281.342.907.446
Chi phí khác bằng tiền	6.878.798.978	8.686.087.400
	<b>528.240.888.889</b>	<b>700.116.491.362</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>				
Đầu tư dài hạn	-	4.336.924.005	-	4.336.924.005
	-	<b>4.336.924.005</b>	-	<b>4.336.924.005</b>
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>				
Đầu tư dài hạn	-	122.989.805	-	122.989.805
	-	<b>122.989.805</b>	-	<b>122.989.805</b>

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>				
Tiền	19.587.028.863	-	-	19.587.028.863
Phải thu khách hàng, phải thu khác	47.371.107.846	-	-	47.371.107.846
	<b>66.958.136.709</b>	-	-	<b>66.958.136.709</b>
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>				
Tiền	18.012.704.619	-	-	18.012.704.619
Phải thu khách hàng, phải thu khác	41.686.287.859	-	-	41.686.287.859
	<b>59.698.992.478</b>	-	-	<b>59.698.992.478</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>				
Vay và nợ	175.849.069.187	145.915.010.000	13.348.887.500	335.112.966.687
Phải trả người bán, phải trả khác	79.053.068.668	45.238.754.674	1.279.481.928	125.571.305.270
Chi phí phải trả	819.484.408	-	-	819.484.408
	<u><u>255.721.622.263</u></u>	<u><u>191.153.764.674</u></u>	<u><u>14.628.369.428</u></u>	<u><u>461.503.756.365</u></u>
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>				
Vay và nợ	148.510.134.192	173.301.034.000	40.233.526.000	362.044.694.192
Phải trả người bán, phải trả khác	91.948.611.714	75.695.237.554	-	167.643.849.268
Chi phí phải trả	3.434.754.003	-	-	3.434.754.003
	<u><u>243.893.499.909</u></u>	<u><u>248.996.271.554</u></u>	<u><u>40.233.526.000</u></u>	<u><u>533.123.297.463</u></u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**34 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG****a) Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	3.420.000.000	15.390.000.000

**b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	29.377.024.829	76.787.975.171

**35 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.



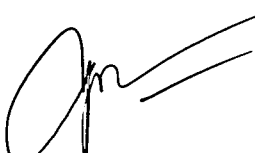
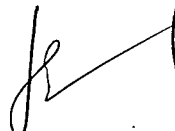

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai,  
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính riêng**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020**36 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Theo lĩnh vực kinh doanh

	<u>Hoạt động kinh doanh vận tải biển</u>	<u>Hoạt động kinh doanh dịch vụ và hoạt động khác</u>	<u>Tổng cộng toàn doanh nghiệp</u>
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	408.842.974.814	96.825.954.338	505.668.929.152
<b>Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(10.380.338.078)</b>	<b>4.500.979.283</b>	<b>(5.879.358.795)</b>
Tổng chi phí mua TSCĐ bộ phận	972.000.000	-	972.000.000
Tổng chi phí mua TSCĐ không phân bổ			1.249.789.818
Tài sản bộ phận trực tiếp	473.179.085.338	22.202.196.278	495.381.281.616
Tài sản không phân bổ			42.699.346.417
<b>Tổng tài sản</b>	<b>473.179.085.338</b>	<b>22.202.196.278</b>	<b>538.080.628.033</b>
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	411.111.887.731	5.737.333.214	416.849.220.945
Nợ phải trả không phân bổ			56.862.012.448
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>411.111.887.731</b>	<b>5.737.333.214</b>	<b>473.711.233.393</b>
<b>Theo khu vực địa lý</b>			<b>Tổng cộng toàn doanh nghiệp</b>
	<u>Trong nước</u>	<u>Quốc tế</u>	<u>VND</u>
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	181.167.237.735	324.501.691.417	505.668.929.152
Tài sản bộ phận	47.903.776.355	4.925.243.566	52.829.019.921
Tài sản không phân bổ			485.251.608.112
Tổng chi phí mua TSCĐ không phân bổ			2.221.789.818

**37 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

**Nguyễn Thị Bảo Ngọc**                      **Trần Thị Thanh Hương**                      **Vương Ngọc Sơn**  
 Người lập                                      Kế toán trưởng                                      Tổng Giám đốc



Hải Phòng, ngày 20 tháng 02 năm 2021